

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 129.743.621.792 | 109.016.461.440 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 64.624.531.423 | 83.544.450.765 |
| 1. Tiền | 111 | | 624.531.423 | 1.027.450.765 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 64.000.000.000 | 82.517.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 57.200.000.000 | 22.200.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 57.200.000.000 | 22.200.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 7.715.232.204 | 3.054.339.910 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 3.064.199.204 | 2.134.875.088 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 2.240.910.000 | 223.299.656 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 2.410.123.000 | 696.165.166 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 203.858.165 | 217.670.765 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.6 | 203.858.165 | 217.670.765 |

11/5/14 C P / 1/3

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bàu Xéo, xã Sóng Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 358.378.819.506 | 369.497.726.322 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 8.799.789.071 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | 8.799.789.071 |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 198.509.485.261 | 199.740.442.411 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 145.194.826.142 | 149.415.432.662 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 177.500.476.296 | 173.258.616.726 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (32.305.650.154) | (23.843.184.064) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.8 | 53.314.659.119 | 50.325.009.749 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 159.869.334.245 | 160.957.494.840 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9 | 159.400.107.125 | 160.411.586.672 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.10 | 469.227.120 | 545.908.168 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 488.122.441.298 | 478.514.187.762 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bàu Xéo, xã Sóng Trâu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 355.755.392.575 | 365.023.896.919 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 10.910.660.899 | 29.206.798.991 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.11 | 2.046.800.000 | 4.281.200.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.12 | 4.815.008.189 | 4.147.166.690 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.13 | 1.958.108.898 | 5.582.878.988 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.14 | 856.631.218 | 1.364.049.147 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.15 | 416.093.657 | - |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.16 | 5.472.585 | 713.869.100 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 810.407.021 | 13.116.672.373 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.18 | 2.139.331 | 962.693 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 344.844.731.676 | 335.817.097.928 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.19 | 767.000.000 | 6.179.800.000 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.20 | 344.077.731.676 | 329.637.297.928 |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 132.367.048.723 | 113.490.290.843 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 132.367.048.723 | 113.490.290.843 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.21 | 82.000.000.000 | 82.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.21 | 17.573.622.705 | 8.056.663.135 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.21 | 8.200.000.000 | 8.200.000.000 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.21 | 24.593.426.018 | 15.233.627.708 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 488.122.441.298 | 478.514.187.762 |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bàu Xéo, xã Sóng Trà, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số | |
|--|----------------|-----------|-----------|
| | | cuối năm | đầu năm |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | 6.150.668 | 6.150.668 |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 249,76 | 849,45 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2015

Phan Thị Thùy Dung
Người lập biểuNguyễn Hữu Trí
Kế toán trưởngLê Văn Hùng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

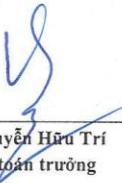
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 61.902.906.539 | 47.131.595.521 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 61.902.906.539 | 47.131.595.521 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 25.757.674.595 | 22.001.287.484 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 36.145.231.944 | 25.130.308.037 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 8.205.162.043 | 6.991.318.235 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 529.875.333 | 791.105.311 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 468.780.900 | 710.584.500 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 15.264.334.362 | 11.003.173.806 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 28.556.184.292 | 20.327.347.155 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 54.873.557 | 9.425.709.379 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 230.423.128 | 34.422.528 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (175.549.571) | 9.391.286.851 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 28.380.634.721 | 29.718.634.006 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 3.710.527.655 | 3.534.409.623 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.10 | 76.681.048 | 900.596.675 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>24.593.426.018</u> | <u>25.283.627.708</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | <u>2.999</u> | <u>3.083</u> |


Phan Thị Thùy Dung
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Trí
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2015

Lê Văn Hùng
Chủ tịch Hội đồng quản trị



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trưng Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0096/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Thống Nhất, được lập ngày 10 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1



Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0093-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2015